

Ngày 27/03/2026



TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

GIỮA PHIÊN



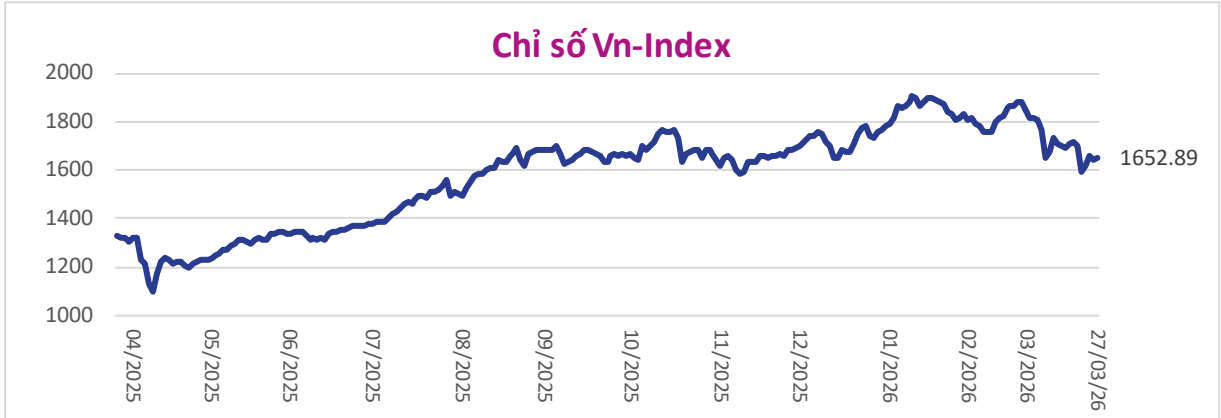
Tổng quan thị trường

(Cập nhật 11:30)

1652.89

8.26

0.50%



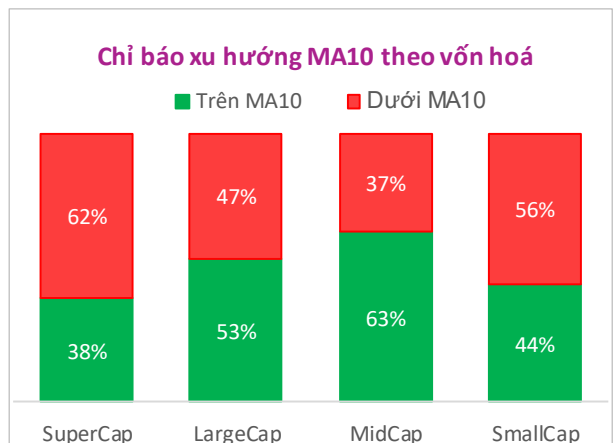
Phiên giao dịch sáng ngày 27/03/2026, chỉ số Vn-Index đang tăng điểm ở mức trung bình, tuy nhiên số lượng mã tăng giá không nhiều. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 8,26 điểm, nhưng vẫn đang vận động dưới đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: VHM(+2,3%), VIC(+1,5%), GVR(+4,0%).

Trong tháng 3/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -15.651 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -30.089 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang bán ròng -395 tỷ đồng.

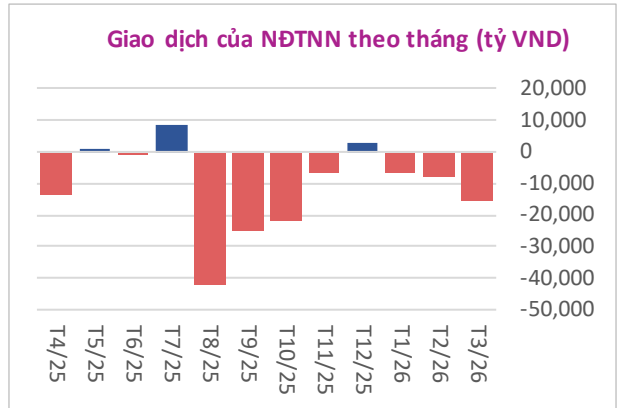
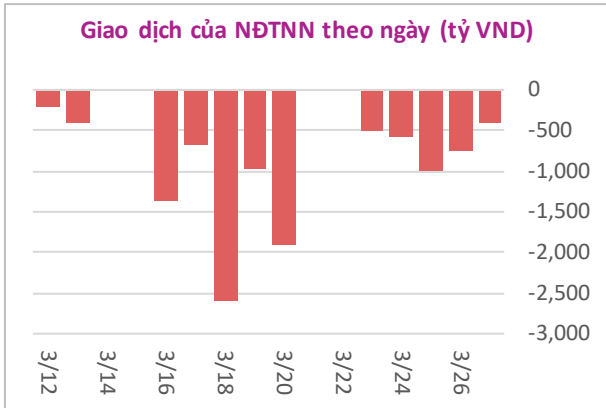
Về phía khối tự doanh CTCK, trong tháng 3/2026, khối tự doanh CTCK chuyển sang mua ròng cổ phiếu với tổng giá trị là 318 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối tự doanh đã bán ròng với tổng giá trị là -3.015 tỷ đồng.

Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

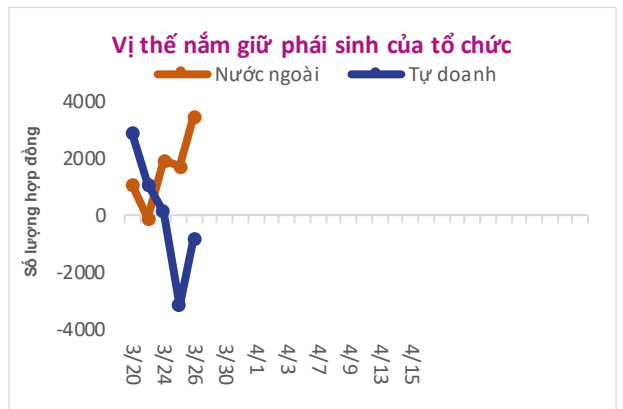
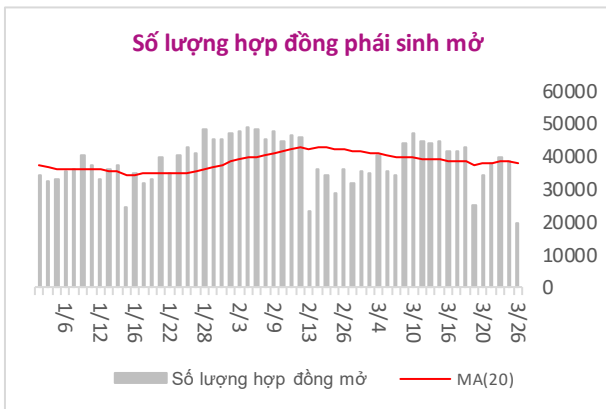
Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành		
Ngân hàng	Bất động sản ↑	Chứng khoán ↓
Thép ↓	Phân bón ↑	Công nghệ ↓
Dầu khí ↓	Khu CN ↓	Thủy sản
Bảo hiểm ↑	Xây dựng ↓	Cảng biển ↑
Mía đường	Bán lẻ ↑	Dệt may ↑



Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

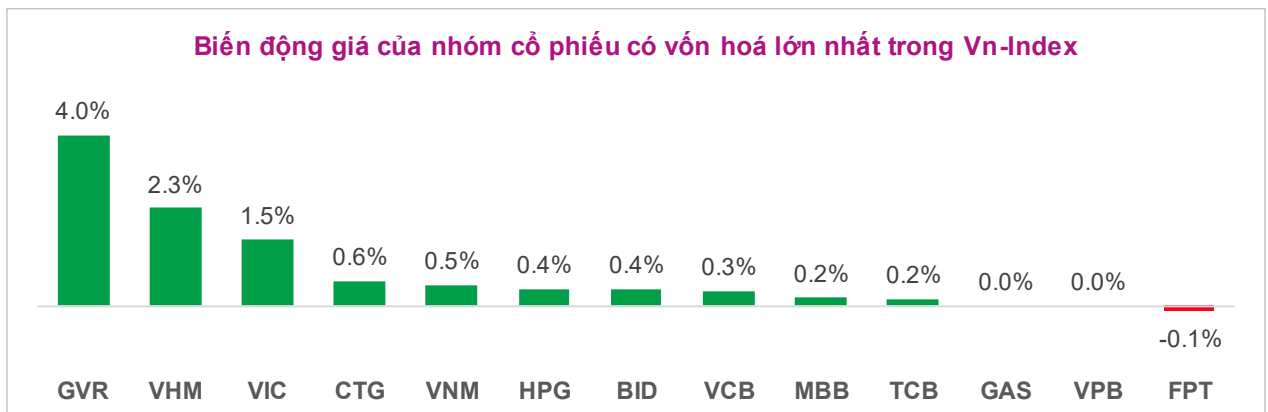


Thị trường phái sinh VN30



Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

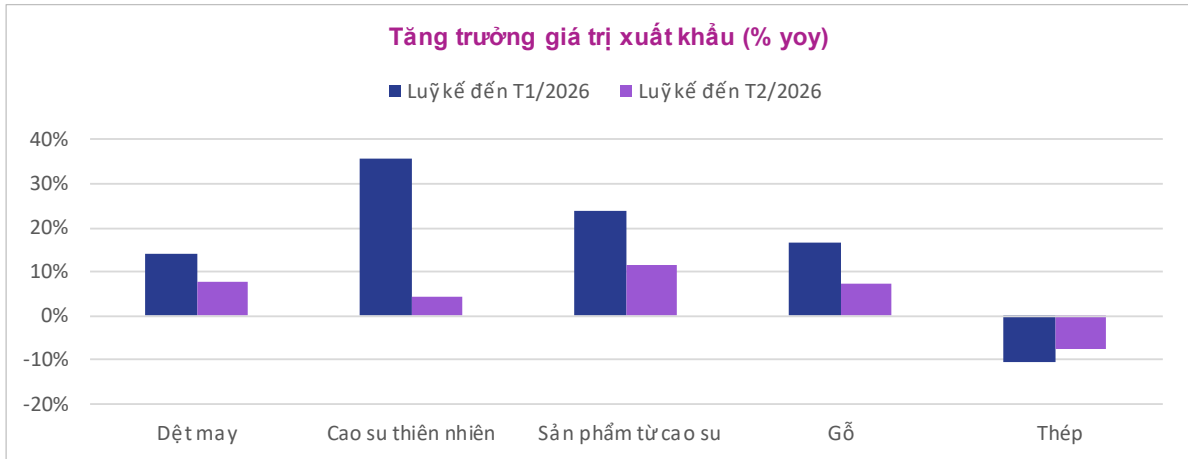
Nhóm dẫn dắt thị trường



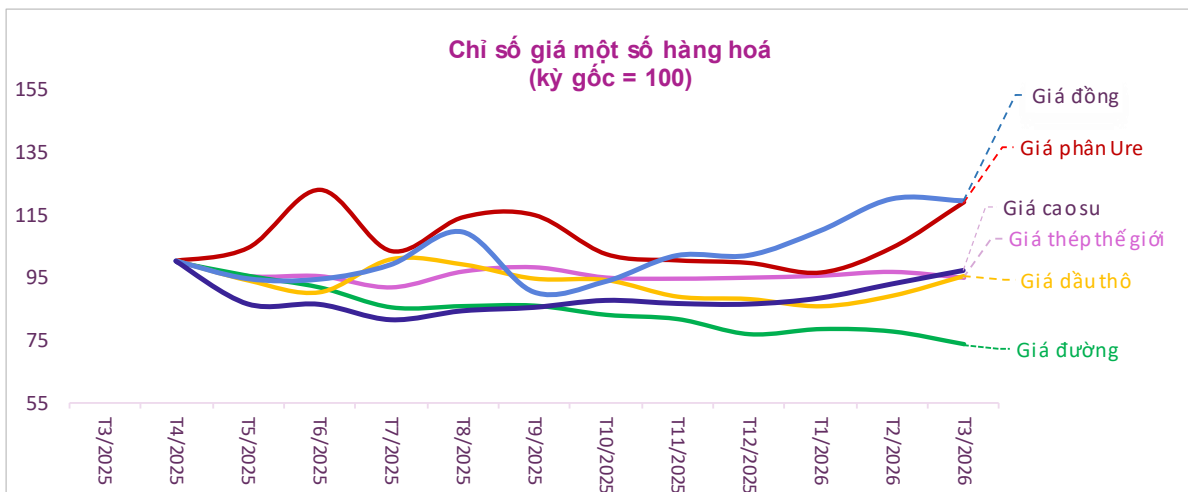
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	12/2025	01/2026	02/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	53.0	52.5	54.3	PMI tăng và duy trì trên 50 điểm, cho thấy sản xuất tiếp tục mở rộng
Sản xuất công nghiệp (YoY)	10.1%	21.5%	1.0%	Tăng trưởng giảm mạnh so với tháng trước.
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	9.8%	9.3%	8.5%	Tiêu dùng trong nước duy trì tích cực.
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	23.9%	30.1%	6.3%	Xuất khẩu tăng nhưng đà tăng chậm lại.
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	27.7%	49.6%	4.4%	Nhập khẩu tăng nhẹ, động lực suy yếu.
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	3.5%	2.5%	3.4%	Lạm phát tăng so với cùng kỳ.
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	0.1%	0.0%	-0.6%	Tỷ giá giảm nhẹ theo tháng.

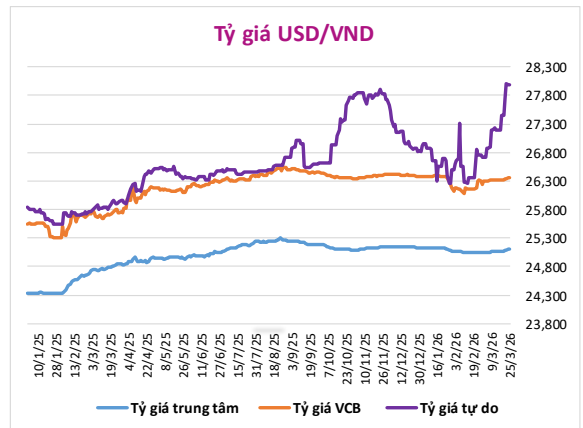
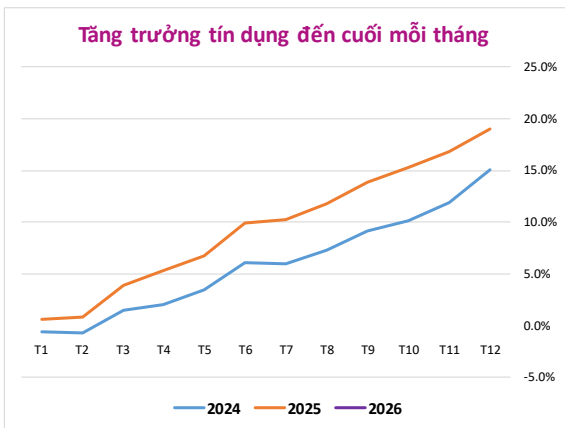
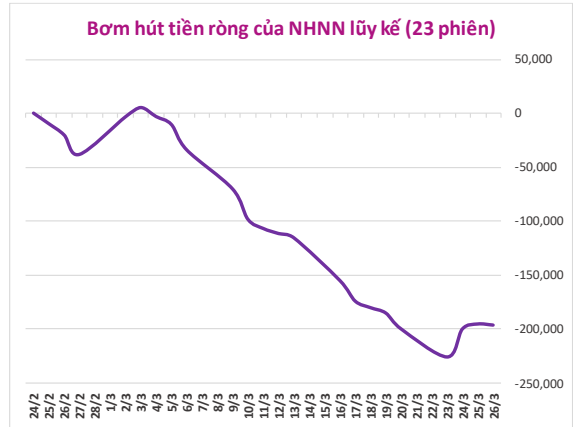
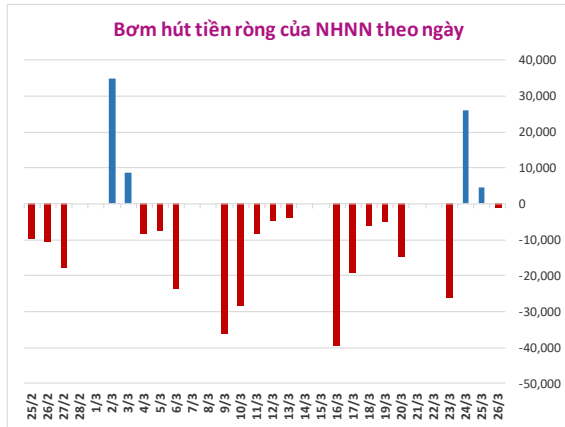
Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



Diễn biến giá một số loại hàng hoá



Chính sách tiền tệ



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá				Giá thị trường (27/3/26)		
			% LNST Q4/25 (YoY)	% LNST 2025 (YoY)	LNST Q4/2025 (Tỷ đồng)	LNST 2025 (Tỷ đồng)	ROE (TTM)	ROA (TTM)	Book Value	EPS		P/B	P/E
1	ACV	Cảng hàng không	7%	4%	3,134.79	12,070.73	16.70%	12.89%	19,505	3,026	2.32	14.9	45,200
2	ANV	Thủy sản	4611%	1990%	251.57	999.48	31.61%	18.70%	13,246	3,754	1.76	6.2	23,300
3	BFC	Phân bón	-44%	-13%	68.34	400.32	23.49%	8.56%	24,160	5,421	2.38	10.6	57,500
4	BID	Ngân hàng	46%	19%	11,542.62	30,482.98	19.47%	0.98%	23,933	4,279	1.63	9.1	39,050
5	BMP	VLXD	13%	24%	261.34	1,228.74	44.05%	37.35%	35,151	15,010	3.65	8.5	128,300
6	BSR	Dầu khí	3708%	722%	3,034.55	5,189.28	8.94%	5.98%	12,073	1,036	2.26	26.4	27,300
7	BWE	Nước	95%	55%	277.94	1,026.42	17.52%	6.75%	27,181	4,506	1.59	9.6	43,150
8	CSV	Hóa chất	-31%	-12%	41.44	229.34	13.66%	10.67%	14,169	1,891	1.94	14.6	27,550
9	CTR	Xây dựng	9%	11%	163.96	599.83	30.50%	7.85%	18,086	5,244	4.72	16.3	85,300
10	DCM	Phân bón	6%	35%	434.02	1,961.84	18.65%	11.38%	20,330	3,702	2.46	13.5	50,100
11	DDV	Phân bón	139%	276%	137.01	633.54	31.38%	24.04%	15,479	4,336	1.82	6.5	28,200
12	DGW	Bán lẻ	14%	23%	161.54	555.00	17.10%	5.55%	15,520	2,494	2.90	18.0	44,950
13	DPM	Phân bón	1248%	100%	232.71	1,095.64	9.61%	6.26%	16,697	1,579	1.89	19.9	31,500
14	DPR	Cao su	-34%	21%	74.29	367.34	12.43%	6.85%	29,979	3,638	1.32	10.9	39,600
15	DRC	Lốp xe	-33%	-48%	39.54	121.20	6.28%	2.90%	12,573	785	1.06	17.0	13,350
16	FPT	Phần mềm	19%	19%	2,988.15	11,225.52	28.27%	11.71%	21,417	5,511	3.46	13.4	74,100
17	FRT	Bán lẻ	161%	150%	348.34	984.24	26.13%	4.02%	24,495	4,667	6.43	33.7	157,500
18	IDI	Thủy sản	162%	112%	45.77	143.28	3.81%	1.35%	12,535	470	0.55	14.75	6,930
19	KBC	Bất động sản	2046%	462%	664.27	2,226.81	9.89%	3.75%	26,381	2,500	1.09	11.54	28,850
20	KSB	Khai thác đá	105%	191%	39.99	154.33	5.70%	3.06%	24,261	1,351	0.66	11.77	15,900
21	LSS	Đường	51%	19%	24.42	122.82	6.73%	3.64%	19,704	1,308	0.44	6.57	8,600
22	MML	Thực Phẩm	27%	1982%	153.19	618.96	11.92%	4.98%	14,873	1,693	2.13	18.72	31,700
23	MSN	Thực phẩm	113%	106%	2,295.34	6,763.51	12.53%	2.97%	24,447	2,710	2.97	26.83	72,700
24	MSR	Khai khoáng	203%	-101%	222.49	11.29	0.09%	0.04%	11,076	10	4.51	4868.55	50,000
25	MWG	Bán lẻ	145%	89%	2,086.49	7,075.52	23.32%	9.12%	22,203	4,777	3.62	16.83	80,400
26	NKG	Thép	-151%	-56%	-9.34	197.19	2.93%	1.31%	17,026	461	0.79	29.04	13,400
27	NTP	VLXD	-6%	35%	202.84	992.87	25.14%	14.75%	24,742	5,805	2.24	9.56	55,500
28	OIL	Dầu khí	45%	4%	115.76	486.59	4.07%	0.98%	10,142	412	1.50	36.93	15,200
29	PAN	Thực phẩm	10%	10%	448.22	1,172.54	12.91%	3.40%	25,570	3,218	1.18	9.40	30,250
30	PC1	Xây dựng	706%	125%	660.36	1,364.51	17.44%	4.61%	15,852	2,553	1.77	10.97	28,000
31	PET	Bán lẻ	95%	72%	103.73	351.25	11.25%	2.17%	22,623	2,415	2.07	19.42	46,900
32	PLC	Hóa chất	-520%	-69%	-85.17	13.56	1.10%	0.34%	15,133	168	1.52	137.04	23,000
33	PLX	Dầu khí	7%	-7%	696.93	3,038.08	10.34%	3.22%	20,566	2,122	1.95	18.87	40,050
34	POW	Điện	956%	111%	687.52	2,869.50	7.06%	2.78%	11,197	832	1.16	15.63	13,000
35	PTB	Gỗ	42%	36%	132.82	519.71	16.42%	8.44%	39,913	7,463	1.21	6.47	48,300
36	PVS	Dầu khí	84%	70%	950.44	1,899.39	12.74%	5.01%	29,375	3,560	1.43	11.83	42,100
37	QNS	Đường	-3%	-19%	604.71	1,916.48	18.56%	13.61%	28,956	5,213	1.64	9.13	47,600
38	REE	Điện	-9%	27%	768.66	3,149.42	12.69%	6.62%	38,670	4,668	1.85	15.34	71,600
39	SBT	Đường	-16%	-9%	191.78	759.29	7.00%	2.18%	13,080	903	1.66	23.97	21,650
40	SIP	Bất động sản	10%	16%	400.08	1,501.88	28.47%	5.04%	21,419	5,601	2.68	10.23	57,300
41	VCS	VLXD	-2%	-14%	185.18	694.46	13.56%	11.37%	32,079	4,340	1.27	9.40	40,800
42	VGI	Viễn thông di động	2%	66%	3,845.55	11,272.72	24.66%	12.87%	13,474	3,063	6.89	30.29	92,800
43	VHC	Thủy sản	-47%	11%	244.96	1,451.08	14.95%	10.63%	42,574	6,073	1.38	9.70	58,900
44	VIB	Ngân hàng	-14%	1%	1,647.98	7,285.43	16.41%	1.39%	13,779	2,143	1.23	7.93	17,000
45	VIP	Vận tải	-77%	-8%	6.66	85.81	6.70%	6.12%	18,682	1,253	0.64	9.54	11,950
46	VTO	Vận tải	14%	6%	39.00	117.22	9.97%	7.39%	14,776	1,468	0.80	8.01	11,750
47	POW	Điện	956%	111%	687.52	2,869.50	7.06%	2.78%	11,197	832	1.16	15.63	13,000
48	GEG	Điện	169%	512%	96.06	946.78	14.96%	4.64%	12,279	1,663	1.35	10.0	16,600
49	GMD	Dịch vụ kho bãi	123%	15%	659.97	2,224.19	13.17%	8.88%	30,680	3,986	2.53	19.4	77,500
50	GVR	Cao su	-43%	41%	1,135.97	6,353.29	10.26%	6.62%	14,165	1,406	2.20	22.2	31,200
51	HAH	Cảng biển	10%	85%	359.98	1,400.90	30.99%	15.08%	26,704	6,258	2.06	8.8	54,900

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá				Giá thị trường (27/3/26)		
			% LNST Q4/25 (YoY)	% LNST 2025 (YoY)	LNST Q4/2025 (Tỷ đồng)	LNST 2025 (Tỷ đồng)	ROE (TTM)	ROA (TTM)	Book Value	EPS		P/B	P/E
52	HDG	Bất động sản	481%	103%	373.38	944.19	10.94%	4.94%	18,378	1,907	1.63	15.7	29,900
53	HHV	Xây dựng	55%	38%	201.71	678.43	5.85%	1.48%	11,782	1,196	1.03	10.2	12,150
54	HPG	Thép	37%	29%	3,888.35	15,514.93	12.69%	6.41%	16,830	2,013	1.54	12.9	26,000
55	HSG	Thép	-62%	9%	62.35	628.32	5.59%	3.08%	18,294	1,012	0.80	14.4	14,550
56	HT1	Xi măng	416%	355%	85.02	273.93	5.51%	3.46%	13,310	717	1.12	20.7	14,850
57	IDC	Bất động sản	26%	-3%	540.00	2,354.08	32.00%	9.20%	17,021	5,090	2.79	9.3	47,500
58	GAS	Dầu khí	-33%	10%	1,387.43	11,571.63	18.04%	13.02%	27,475	4,730	2.92	17.0	80,300
59	ACB	Ngân hàng	-39%	-7%	2,784.69	15,624.70	17.56%	1.65%	18,401	3,042	1.28	7.8	23,600
60	BCM	Bất động sản	-15%	60%	1,247.08	3,516.02	16.49%	5.83%	21,946	3,371	2.44	15.9	53,500
61	BID	Ngân hàng	46%	19%	11,542.62	30,482.98	19.47%	0.98%	23,933	4,279	1.63	9.1	39,050
62	BSI	Chứng khoán	4%	20%	95.06	493.67	9.32%	3.66%	22,529	2,012	1.50	16.8	33,800
63	CTG	Ngân hàng	13%	36%	11,093.59	34,857.44	21.22%	1.34%	22,974	4,454	1.48	7.6	34,000
64	CTS	Chứng khoán	-57%	150%	25.14	577.37	22.61%	5.47%	13,425	2,715	1.94	9.6	26,100
65	DIG	Bất động sản	331%	466%	423.99	623.95	7.28%	3.45%	12,542	990	1.11	14.1	13,950
66	DSE	Chứng khoán	-72%	50%	9.27	272.53	6.54%	2.11%	10,046	781	2.31	29.8	23,250
67	DXG	Bất động sản	-96%	-11%	63.38	574.44	1.85%	0.68%	12,790	229	1.12	62.8	14,350
68	DXS	Bất động sản	-93%	139%	40.24	498.43	5.45%	2.10%	10,929	581	0.62	11.6	6,760
69	EIB	Ngân hàng	-133%	-66%	-472.48	1,136.94	4.45%	0.44%	13,961	610	1.60	36.7	22,400
70	FTS	Chứng khoán	-20%	-30%	128.06	396.75	9.29%	3.35%	12,756	1,161	1.96	21.5	25,000
71	HCM	Chứng khoán	40%	13%	318.99	1,178.62	9.43%	3.03%	13,466	1,454	1.62	15.0	21,850
72	HDB	Ngân hàng	64%	29%	5,220.16	17,052.70	25.38%	2.03%	15,094	3,432	1.64	7.2	24,700
73	HDC	Bất động sản	2089%	868%	30.94	641.37	24.87%	11.66%	14,465	2,559	1.26	7.1	18,200
74	HDG	Bất động sản	481%	103%	373.38	944.19	10.94%	4.94%	18,378	1,907	1.63	15.7	29,900
75	KBC	Bất động sản	2046%	462%	664.27	2,226.81	9.89%	3.75%	26,381	2,500	1.09	11.5	28,850
76	KDH	Bất động sản	25%	30%	793.02	1,633.87	5.86%	3.25%	16,512	943	1.57	27.4	25,850
77	KOS	Bất động sản	131%	-12%	0.82	18.96	0.81%	0.39%	10,763	87	3.63	448.7	39,050
78	LPB	Ngân hàng	40%	18%	3,730.59	11,422.38	25.23%	2.05%	15,798	3,824	2.66	11.0	42,100
79	MBB	Ngân hàng	39%	18%	8,902.95	27,382.98	21.57%	1.95%	16,901	3,325	1.53	7.8	25,850
80	MSB	Ngân hàng	14%	2%	1,851.25	5,628.52	14.20%	1.55%	13,605	1,804	0.83	6.2	11,250
81	NAB	Ngân hàng	18%	16%	1,140.09	4,182.23	19.58%	1.26%	13,657	2,438	0.94	5.3	12,850
82	NLG	Bất động sản	-31%	35%	504.87	946.31	6.28%	2.47%	26,102	1,805	1.10	16.0	28,800
83	OCB	Ngân hàng	12%	27%	1,295.53	4,028.85	12.28%	1.33%	12,746	1,513	0.87	7.3	11,100
84	PDR	Bất động sản	20462%	232%	313.33	514.69	4.41%	2.01%	12,400	531	1.27	29.7	15,750
85	SHB	Ngân hàng	8%	29%	2,259.94	12,009.91	19.05%	1.46%	14,802	2,614	1.02	5.8	15,100
86	SIP	Bất động sản	10%	16%	400.08	1,501.88	28.47%	5.04%	21,419	5,601	2.68	10.2	57,300
87	SJS	Bất động sản	45%	33%	183.30	357.84	11.12%	4.53%	11,514	1,199	4.27	41.0	49,200
88	SSB	Ngân hàng	-91%	14%	104.29	5,509.54	14.62%	1.53%	14,191	1,938	1.19	8.7	16,850
89	SSI	Chứng khoán	91%	45%	819.69	4,106.88	14.01%	4.90%	12,820	2,003	2.07	13.2	26,500
90	STB	Ngân hàng	-177%	-41%	-2,752.46	5,939.11	10.34%	0.71%	31,756	3,150	1.89	19.0	59,900
91	SZC	Bất động sản	37%	14%	103.01	345.11	10.94%	4.21%	17,797	1,917	1.59	14.8	28,300
92	TCB	Ngân hàng	98%	18%	6,979.83	25,954.47	16.03%	2.33%	23,996	3,577	1.26	8.4	30,200
93	TCH	Bất động sản	-83%	-68%	51.40	418.51	3.03%	1.74%	12,534	416	1.31	39.5	16,400
94	TPB	Ngân hàng	49%	22%	2,542.76	7,379.70	18.48%	1.60%	15,243	2,660	1.05	6.0	16,000
95	VCB	Ngân hàng	1%	4%	8,633.78	35,198.43	16.61%	1.55%	27,223	4,210	2.13	13.8	58,100
96	VCI	Chứng khoán	103%	47%	442.92	1,341.95	8.67%	4.29%	21,186	1,849	1.24	14.2	26,250
97	VHM	Bất động sản	120%	29%	26,798.00	42,111.07	18.73%	6.09%	57,507	10,008	1.80	10.3	103,400
98	VIB	Ngân hàng	-14%	1%	1,647.98	7,285.43	16.41%	1.39%	13,779	2,143	1.23	7.9	17,000
99	VIC	Bất động sản	209%	13%	3,581.32	11,146.46	9.40%	1.37%	19,253	1,739	6.86	75.9	132,000
100	VIX	Chứng khoán	1047%	716%	1,286.71	5,410.02	28.85%	20.12%	14,010	3,533	1.15	4.6	16,150
101	VND	Chứng khoán	36%	18%	342.00	2,022.09	9.96%	4.22%	13,731	1,328	1.13	11.7	15,500
102	VPB	Ngân hàng	72%	52%	8,118.41	24,354.60	15.49%	2.20%	21,163	3,024	1.24	8.7	26,200
103	VPI	Bất động sản	27%	20%	132.04	394.97	7.77%	3.04%	16,408	1,227	3.43	45.9	56,300
104	VRE	Bất động sản	145%	57%	2,658.84	6,445.92	14.28%	11.07%	21,286	2,837	1.20	9.0	25,450

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.